

Số: 353 /2021/HNGĐ - ST.

Ngày: 11/06/2020.

V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Thành.

2. Ông Bùi Xuân Đăng.

Thẩm ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng ☐ *Thẩm ký Tòa án nhân dân huyện T.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Bà Đặng Thị Sơn Cẩm- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 06 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 284/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2021 về tranh chấp: Ly hôn.

Theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐST- HNGĐ ngày 24 tháng 05 năm 2021 giữa các đ- ơng sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T– sinh năm 1986; Địa chỉ: Xóm L, thôn T, xã T, huyện T, H.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng Q – sinh năm 1984; Địa chỉ: Xóm L, thôn T, xã T, huyện T, H.

(Có mặt Chị T, anh Q xin vắng tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Đăng Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, Tỉnh T ngày 28/09/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung tại xóm L, thôn T, xã T, huyện T, H. Quá trình chung sống do anh Q hay chơi cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh Q không sửa đổi nên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng khó có khả năng đoàn tụ nên chị xin được ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đăng Tùng L sinh ngày 15/11/2010 và Nguyễn Đăng T sinh ngày 27/10/2016. Ly hôn chị T xin được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung (Động sản và bất động sản): Ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị T tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra chị T không yêu cầu vấn đề nào khác.

* Anh Nguyễn Đăng Q trình bày: Anh xác nhận về thời gian và điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ thỉnh thoảng xảy ra xích mích, chứ chưa đến mức trầm trọng. Nay chị T xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị Tâm trình bày là đúng. Ly hôn anh cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung (Động sản và bất động sản): Ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay, chị T có mặt, anh Q xin vắng mặt. Chị T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh Q và thay đổi yêu cầu về con chung. Cụ thể: Chị xin nuôi một con chung là cháu Tùng L, còn cháu T để anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Th- ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đăng Q.

Về con chung: Giao cháu Tùng L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh Q nuôi dưỡng. Hai bên không ai phải đóng góp nuôi con chung cho cho nhau.

Về tài sản chung: (gồm động sản và bất động sản và các khoản nợ chung): Chị T và anh Q không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ọc thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

{ 1 } Về tố tụng: Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, anh Q có hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại xóm L, thôn T, xã T, huyện T, H. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 điều 35 bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện T.

Anh Nguyễn Đăng Q đã đ- ọc Tòa án tổng đạt phiên tòa hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo thụ lý vụ án và thông báo về việc mở phiên họp kiểm

tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên anh Q xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa chị T và anh. Căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

{2} Về nội dung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đăng Q kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, Tỉnh T ngày 28/09/2009. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung tại xóm L, thôn T, xã T, huyện T T, H. Quá trình chung sống do anh Q hay chơi cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị T đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh Q không sửa đổi nên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, khó có khả năng đoàn tụ nên chị xin được ly hôn với anh Q. Anh Q cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên, không vì bất cứ mục đích nào khác. Thực tế hôn nhân của chị T và anh Q qua xác minh tại địa phương thì luôn xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Mặt khác, khi nhận được thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Q đều xin vắng mặt. Điều này chứng tỏ anh Q không mong muốn cũng như không có biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng, giúp vợ chồng có thể quay về đoàn tụ với nhau. Do vậy, cuộc sống chung vợ chồng giữa chị T và anh Q không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ-ợc nên việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là hoàn toàn phù hợp với điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đăng Tùng L sinh ngày 15/11/2010 và Nguyễn Đăng T sinh ngày 27/10/2016. Ly hôn chị T và anh Q đều có nguyện vọng xin được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con cho ai nuôi là phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ. Hiện nay cả hai cháu đều đang ở chung với anh Q và chị T. Tại phiên tòa hôm nay, chị T thay đổi yêu cầu xin được nuôi dưỡng cháu Tùng L, còn cháu T để anh Q nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu Tùng L có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy giao cháu Tùng L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh Q nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung cho nhau.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và các khoản vay nợ: Chị T và anh Q không yêu cầu tòa giải quyết nên không giải quyết .

Về án phí: Chị T tự nguyện chịu cả án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ :

- Khoản 1 điều 56, 59, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.
- Khoản 1 điều 28, Điều 147, điều 227, điều 271, khoản 1 điều 273 BL TTDS năm 2015

- Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đăng Q.

2. Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đăng Q có 02 con chung là Nguyễn Đăng Tùng L sinh ngày 15/11/2010 và Nguyễn Đăng T sinh ngày 27/10/2016. Khi ly hôn, giao cháu Nguyễn Đăng Tùng L cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Đăng T cho anh Nguyễn Đăng Q trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh Nguyễn Đăng Q và chị Nguyễn Thị T đều có quyền đi lại, thăm nom, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: (gồm động sản, bất động sản và các khoản nợ chung): Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đăng Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T chịu cả 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đ-ợc trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009493 ngày 16/03/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

☐n xử công khai sơ thẩm. Đ-ơng sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đ-ơng sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ-ợc tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND huyện T;
- Đ-ơng sự.
- L- u.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thắng